TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/KDTM-PT
Ngày 22-01-2018
V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Nguyễn Văn Thiệm

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Duy Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2017/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1242/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí V (sau đây gọi tắt là Công ty V); địa chỉ trụ sở: Số 186 đường T, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Thị N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 29/11/2017 của Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí V); có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại T (sau đây gọi tắt là Công ty T), địa chỉ trụ sở: Số 201 đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đào Văn Q, sinh năm 1960; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Thương mại T; có mặt.

- Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1951 (theo Giấy ủy quyền ngày 16/11/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại T); có mặt

- *Người kháng cáo*: Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại T
- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 01/11/2009, Công ty T và Công ty V có ký kết Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ đại lý Hàng hải số 01/HD2009/PVTVT-TT với nội dung: Công ty T ủy thác cho Công ty V làm đại lý cho các tàu chuyên chở dầu DO, Fo, Mogas,...do Công ty T là chủ sở hữu hoặc thuê vận chuyển tại khu vực Vũng Tàu.

Sau khi ký hợp đồng số 01/HD2009/PVTVT-TT, từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 3 năm 2010, Công ty T đã ủy thác cho Công ty V làm đại lý cho tàu T tại cảng Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh và cung cấp nhiên liệu cho tàu Thiên Tân với tổng giá trị hợp đồng là 2.360.346.080 đồng. Công ty T đã thanh toán cho Công ty V 1.540.650.000 đồng còn nợ lại 819.696.080 đồng theo Bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 10/01/2011 và Biên bản làm việc ngày 05/4/2011.

Công ty V đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty T thanh toán nợ nhưng Công ty T không thanh toán.

Ngày 31/10/2016, Công ty V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Công ty T phải trả cho Công ty V toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từ ngày 01/6/2011 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 12/9/2017 với tổng số tiền là 1.203.587.077 đồng; cụ thể: nợ gốc 819.696.080 đồng, nợ lãi 383.890.977 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty V chỉ yêu cầu Công ty T phải trả số tiền nợ gốc là 819.696.080 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi là 383.890.977 đồng.

* Ý kiến của bị đơn: Thời điểm Công ty V làm đại lý cho tàu Thiên Tân tại các cảng Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh, cũng như việc cấp nhiên liệu cho tàu Thiên Tân ALCI, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Mai Thanh Vân, sau đó là bà Nguyễn Thị Hiền. Từ tháng 7 năm 2015 đến nay ông Đào Văn Quảng là người đại diện theo pháp luật của Công ty T.

Ông Quảng xác nhận việc Công ty T còn nợ tiền cung cấp nhiên liệu của Công ty V theo chứng từ, hồ sơ kế toán là 819.696.080 đồng như đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng hiện tại Công ty không có khoản thu để thanh toán cho Công ty V nên ông Quảng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

II. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng đã áp dụng Điều 116; Điều 117; khoản 1 Điều 79; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Xử:

- Buộc Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Thương mại T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí V số tiền nợ gốc theo Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ đại lý Hàng hải số 01/HD2009/PVTVT-TT ngày 01/11/2009 là 819.696.080 đồng (Tám trăm mười chín triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng).

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí V về việc buộc Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Thương mại T phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc là 383.890.997 đồng (Ba trăm tám ba triệu, tám trăm chín mươi nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

III. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử, ngày 10/10/2017 bị đơn là Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 11/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có Quyết định kháng nghị đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số

07/2017/KDTM-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân quận N và tuyên đình chỉ giải quyết vụ án.

IV. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải trả Công ty V số tiền 819.696.080 đồng phát sinh từ các hợp đồng dịch vụ mà Công ty V đã cung cấp cho Công ty T.

Bị đơn là ông Đào Văn Q trình bày: Xác nhận số tiền nợ nguyên đơn là 819.696.080 đồng. Tuy nhiên bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng cụ thể: bị đơn không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nên không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình được. Về nội dung vụ án, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc theo hợp đồng nguyên tắc dịch vụ đại lý hàng hải số 01/HDD/PVTVT-TT ngày 01/11/2009 là 819.696.080 đồng là không có căn cứ vì hợp đồng nguyên tắc chỉ mang tính định hướng không phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp trong vụ án là kiện đòi tài sản cũng không đúng vì số tiền trên chưa thuộc về Công ty V nên Công ty V không có quyền kiện đòi. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung kháng cáo: Đối với kháng cáo của bị đơn về việc không nhận được các văn bản của Tòa án là không có căn cứ chấp nhận vì quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng theo Điều 173,178,179 BLTTDS. Do không tống đạt được trực tiếp cho bị đơn nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hàng xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đối với kháng cáo của bị đơn về thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết, do trong quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm không có đương sự nào đưa ra yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 184 BLTTDS 2015 không áp dụng thời hiệu là đúng quy định. Không chấp nhận ý kiến

của bị đơn về việc xác định hợp đồng nguyên tắc là loại văn bản ghi nhớ, có tính định hướng để thực hiện nên không phát sinh quyền nghĩa vụ giữa các bên vì thực tế, giữa hai bên đã thực hiện nội dung hợp đồng (thể hiện từ tháng 11/2009 đến tháng 3/2010, Công ty T đã ủy thác cho Công ty V làm đại lý cho tàu Thiên Tân ALCI và đã thanh toán cho Công ty T 1.540.650.000 đồng. Công ty T cũng thừa nhận công nợ của mình thông quan biên bản xác nhận công nợ ngày 10/01/2011 nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty T phải trả tiền cho Công ty V là có căn cứ.

Về quyết định kháng nghị: rút một phần nội dung kháng nghị liên quan đến thời hiệu khởi kiện vụ án, giữ nguyên kháng nghị đối với nội dung việc xác định nội dung tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa chính xác đề nghị Tòa án sửa phần nhận định về quan hệ pháp luật của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa;

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng dịch vụ giữa Công ty T và Công ty V, bị đơn có trụ sở tại quận N nên Tòa án nhân dân quận N xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N là đúng quy định.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

2.1. Kháng cáo của bị đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng :

Ngày 11/7/2016, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận N. Căn cứ biên bản làm việc ngày 15 tháng 7 năm 2016, người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Đào Văn Q cung cấp địa chỉ trụ sở mới của Công ty T đồng thời là nơi ở của ông tại số 3/184 đường P, P 9, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng nên ngày 3 tháng 10 năm 2016, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận H. Ngày 01 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân quận H thụ lý giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận H, Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty T không có mặt tại địa chỉ như đã cung cấp. Ngày 28 tháng 4

năm 2017, Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng gửi cho Tòa án nhân dân quận H Công văn số 132/CV-ĐKKD cung cấp thông tin về doanh nghiệp như sau: Công ty T thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 3 vào ngày 25 tháng 02 năm 2015; địa chỉ trụ sở chính tại số 201 đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật là ông Đào Văn Q; doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh từ ngày 17/12/2016 đến ngày 16/12/2017; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại của ông Đào Văn Q tại: Số 3/184 đường P, P9, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng.

Sau khi nhận được Công văn trên, Tòa án đã tiến hành lập biên bản lấy lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị P có sự chứng kiến của chị Nguyễn Thu H, nhân viên Công ty đóng tàu Thủy sản H, bà P cho biết: Đây là địa chỉ nhà riêng của bà P, chồng là Đào Văn Q. Hiện tại đây là trụ sở hoạt động của hai Công ty: Công ty cổ phần đóng tàu Thủy sản H do bà P làm giám đốc và Công ty vận tải biển và thương mại T. Ngày 26 tháng 3 năm 2017, Tòa án tiến hành làm việc với bà Đào Thị L, Tổ trưởng tổ dân phố P9, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng (BL 113), bà L cho biết: bà đã thực hiện việc tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Đào Văn Q tại địa chỉ số 3/184 đường P, P9, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng nhưng hiện tại ông Q và gia đình không có mặt tại địa phương nên bà không tống đạt được.

Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà P, vợ ông Q và tiến hành niêm yết tại địa chỉ số 3/184 đường P, P9, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng và tại địa chỉ số 201 đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân quận H ra quyết định số 01/2017/QĐ-TA chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận N xét xử theo thẩm quyền. Quyết định chuyển hồ sơ vụ án được Tòa án nhân dân quận H tống đạt trực tiếp cho bà P, vợ ông Q tại địa chỉ số 3/184 đường P, P9, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân quận N: Tòa án không tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng được vì người đại diện hợp pháp của Công ty T không có mặt tại các địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ số 3/184 đường P, P9, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng và tại địa chỉ số 201 đường N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 79 BLDS 2015 quy định về trụ sở của pháp nhân "*Trụ sở của pháp nhân là nơi đặt cơ quan điều hành*

của pháp nhân. Trường hợp thay đổi trụ sở thì pháp nhân phải công bố công khai" để xác định địa chỉ trụ sở của pháp nhân theo giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và theo lời khai của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp để tống đạt các văn bản tố tụng tại hai địa chỉ trên đúng theo quy định tại các Điều 177,178,179 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn không nhận được văn bản tố tụng không phải do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó, kháng cáo của bị đơn về việc không được tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa và cấp tống đạt bản án do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về việc xác định đối tượng tranh chấp và thời hiệu khởi kiện của vụ án:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và các tài liệu chứng cứ gửi kèm theo đơn khởi kiện thì: Ngày 01 tháng 11 năm 2009 giữa Công ty T và Công ty V có ký kết hợp đồng nguyên tắc dịch vụ đại lý hàng hải số 01/HD2009/PVTVT theo đó Công ty T đồng ý ủy thác cho Công ty V làm dịch vụ đại lý hàng hải cho các tàu chuyên chở dầu DO, FO, Mogas... do Công ty T là chủ sở hữu hoặc thuê vận chuyển tại khu vực Vũng Tàu. Sau khi ký hợp đồng nguyên tắc số 01/HD2009/PVTVT, Công ty V đã cung cấp cho Công ty T các dịch vụ thông qua yêu cầu và đơn đặt hàng cụ thể của Công ty T như: nhiên liệu, hoa tiêu, cầu bến, tàu lai...với tổng số tiền phát sinh đã xuất hóa đơn GTGT là 2.360.346.080 đồng. Đến hết ngày 23 tháng 12 năm 2010, Công ty T thanh toán cho Công ty V 1.540.650.000 đồng. Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty T còn nợ Công ty V 819.696.080 đồng. Ngày 10 tháng 02 năm 2011, hai bên đã lập bảng xác nhận theo đó Công ty T xác nhận còn nợ công ty V 819.696.080 đồng nên việc Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền trên là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng nguyên tắc dịch vụ đại lý hàng hải là chưa chính xác vì hai bên không tranh chấp về hợp đồng nguyên tắc chỉ tranh chấp về việc thanh toán nợ đã chốt phát sinh từ việc cung ứng dịch vụ nên kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là có căn cứ nên cần xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ. Do nội dung giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự do vậy không cần sửa một phần bản án sơ thẩm mà chỉ cần xác định lại quan hệ tranh chấp vụ án cho phù hợp.

2.3. Về việc tính thời hiệu khởi kiện vụ án:

Ngày 11/7/2016, Công ty V trực tiếp nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận N, do bị đơn cung cấp địa chỉ trụ sở Công ty T chuyển về số 3/184 đường P, P9, phường Đ1, quận H, thành phố Hải Phòng nên ngày 31/10/2016 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận H.

Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Bộ luật tố tụng dân sự thì *"Đối với các tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12".*

Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự thì *" thời điểm phát sinh tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 là ngày khởi kiện, ngày yêu cầu. Việc xác định ngày khởi kiện, ngày yêu cầu được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 190 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH".* Như vậy theo quy định trên, thời điểm phát sinh tranh chấp vụ án trên là ngày 31/10/2016 nên phải áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án theo Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Tuy nhiên đến ngày 01/3/2017, Tòa án nhân dân quận H mới thụ lý vụ án nên theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 thì *" Quy định về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu tại Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12 được áp dụng đến hết ngày 31-12-2016 để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động".*

"Từ ngày 01-01-2017, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và luật khác có liên quan về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động"

Vì vậy việc giải quyết vụ án không áp dụng thời hiệu theo quy định của BLTTDS 2005 mà được áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 BLTTDS 2015 *"Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc".*

Ngày 06 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân quận H chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Ng giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06 tháng 06 năm 2017, Tòa án nhân dân quận N thụ lý vụ án. Ngày 12/9/2017, Tòa án nhân dân quận N mở phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nhưng không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 184 BLTTDS để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó nội dung kháng cáo này cũng không có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[3]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với khoản tiền phải chi trả và không được chấp nhận.

- Án phí phúc thẩm: Do bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm được giữ nguyên nên bị đơn là Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 116; Điều 117; khoản 1 Điều 79; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27-02-2009 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

1. Buộc Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Thương mại T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí V số tiền nợ gốc phát sinh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ 819.696.080 đồng (Tám trăm mười chín triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí V về việc buộc Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Thương mại T phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc là 383.890.997 đồng (Ba trăm tám ba triệu, tám trăm chín mươi nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí V phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 19.194.550 đồng (Mười chín triệu, một trăm chín tư nghìn, năm trăm năm mươi đồng). Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí V đã nộp tiền tạm ứng án phí là 18.290.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005572 ngày 23/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí V còn phải nộp tiếp số tiền là 904.500 đồng (Chín trăm linh bốn nghìn, lăm trăm đồng).

Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Thương mại T phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 36.590.882 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng).

- Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Thương mại T phải chịu phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Thương mại T đã nộp 2.000.000 (Hai triệu đồng) đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002066 ngày 20-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận N;
- TAND quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương